

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HC-ST

Ngày 08-12-2017

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai; hành
vi không giải quyết khiếu nại.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhung, cán bộ hưu trí.

Ông Hoàng Kim Bảng, Trưởng ban chính sách pháp luật Liên đoàn lao động tỉnh Hòa Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2016/TLST-HC ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, hành vi không giải quyết khiếu nại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST-HC ngày 14 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

*** Bà Phan Thị Thanh L**, sinh năm: 1953; địa chỉ: Phòng 501- D7, tập thể G, ngõ 135, phố P, phường M, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Cao Thị D, sinh năm: 1982; địa chỉ: Văn phòng công chứng B, huyện H, thành phố Hà Nội. (Văn bản ủy quyền 09/8/2017); có mặt.

- Người bị kiện:

*** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.**

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn K - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình (Văn bản ủy quyền số 726/QĐ-UBND ngày 04/5/2017); có đơn xin xử vắng mặt (Văn bản số 1330/UBND-TCĐ ngày 27/9/2017, văn bản số 1810/UBND-TCĐ ngày 06/12/2017)

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

Ông Nguyễn Trần A - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hòa Bình; vắng mặt.

Bà Bùi Thị B - Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình; có mặt.

Ông Nguyễn Văn H - Phó chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân huyện L (Văn bản ủy quyền số 1192/QĐ-UBND ngày 11/9/2017); có mặt.

*** Ủy ban nhân dân huyện L;** địa chỉ trụ sở: Khu 3, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Quách Tất L - Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H - Phó chủ tịch thường trực Ủy ban nhân dân huyện L (Văn bản ủy quyền số 1192/QĐ-UBND ngày 11/9/2017); có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Quách Văn Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu 4, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

2. Ông Phan Hùng C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 40, khu I, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có mặt.

3. Bà Phan Thị T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có đơn xin xử vắng mặt đề ngày 07/12/2017.

4. Bà Phan Thị H, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 42, khu 1, thị trấn C, huyện L, Hòa Bình; có đơn xin xử vắng mặt đề ngày 07/12/2017.

5. Ông Phan T, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 44, khu 1, thị trấn C, huyện L, Hòa Bình; có đơn xin xử vắng mặt đề ngày 07/12/2017.

6. Phan Thị V, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà 44, đường L, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; có đơn xin xử vắng mặt đề ngày 07/12/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2016 và bản tự khai, người khởi kiện bà Phan Thị Thanh L trình bày:

Ngày 27/4/2009 Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) mang tên bà Phan Thị

Thanh L, diện tích 572 m², thửa 63, tờ bản đồ 01, địa chỉ Khu 1, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình; diện tích 572 m² do cụ Nguyễn Thị V (mẹ bà) tặng cho bà ngày 20/04/2009, là một phần trong tổng diện tích 1.575 m² đất do cha mẹ bà cụ Phan Văn T, cụ Nguyễn Thị V khai hoang từ năm 1948, ngày 01/04/2009 UBND huyện L cấp GCNQSDĐ mang tên cụ Nguyễn Thị V.

Trước đó, năm 2001 cụ Nguyễn Thị V cho con trai là Phan Hùng C và Phan T, mỗi người mượn một phần đất để làm nhà ở và trồng màu, ông Phan Hùng C sử dụng 794 m², ông Phan T sử dụng 481 m².

Ngày 29/04/2001, cụ V làm thủ tục tách thửa đất thành 03 phần: Cụ V 334 m², ông C 794 m², ông T 481 m²; năm 2002 cụ V được cấp GCNQSDĐ diện tích 334 m².

Sau khi chia tách thửa đất, ông C giả mạo chữ ký cụ V, hợp pháp hóa diện tích đất 794 m² của cụ V. Ngày 08/04/2002 ông C đã chuyển nhượng cho ông Quách Văn Đ 160 m² đất và hoa màu/794 m² (ông Đ chưa được cấp GCNQSDĐ). Tương tự, ông T cũng giả mạo chữ ký trong hồ sơ tặng cho quyền sử dụng 481 m² mượn của cụ V, ngày 30/5/2003 ông T được cấp GCNQSDĐ diện tích 481 m². Năm 2004 cụ V làm thủ tục chia thửa kế quyền sử dụng đất cho các con. Ngày 09/12/2005 UBND huyện L ra QĐ 515-QĐ/UBND thu hồi GCNQSDĐ cấp cho ông T năm 2003.

Ngày 01/04/2009 UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho cụ V toàn bộ diện tích đất khai hoang từ năm 1948 là 1.575 m² (bao gồm 334 m² đất cụ V được cấp GCNQSDĐ năm 2002; 794 m² đất cho ông C sử dụng năm 2001 và ông C chuyển nhượng 145 m² cho ông Đ năm 2002; 481m² của ông T được cấp năm 2003 và đã bị thu hồi GCNQSDĐ năm 2005).

Sau khi cụ V được cấp GCNQSDĐ, ngày 20/4/2009 cụ V làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với 05/06 người con của cụ V; ngày 27/4/2009 UBND huyện L đã cấp GCNQSDĐ cho 05 người con của cụ V cùng tờ bản đồ số 01; địa chỉ Khu 1, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình: Bà Phan T được cấp: 188 m², thửa 101; bà Phan Thị Thanh L: 572 m², thửa 63, tờ bản đồ 01; bà Phan Thị Hiền: 380 m², thửa 99, tờ bản đồ 01; ông Phan Hùng C: 195 m², thửa 98, tờ bản đồ 01; ông Phan T: 260 m², thửa 100, tờ bản đồ 01. Phần diện tích 160 m² ông C chuyển nhượng cho ông Đ, nằm trong thửa đất bà L được cấp GCNQSDĐ. Năm 2011 cụ V chết.

Ngày 29/4/2016, bà Phan Thị Thanh L nhận được 02 quyết định: Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình giải quyết khiếu nại của ông Quách Văn Đ (gọi tắt là Quyết định 464), Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 21/04/2016 của Chủ tịch UBND huyện L thu hồi GCNQSDĐ do UBND huyện L đã cấp cho bà Phan Thị Thanh L năm 2009 (gọi tắt là Quyết định 364); bà L không đồng ý đã khiếu nại ngày 19/5/2016. Sau đó, bà L nhận được văn bản số 1027/UBND-CT ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh

Hòa Bình có nội dung, khiếu nại của bà không thuộc trường hợp Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 nên không được xem xét, thụ lý, giải quyết theo quy định.

Ngày 21/10/2016 bà L khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.
Yêu cầu:

- Hủy QĐ 464/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, lý do: Ông Phan Hùng C không phải là chủ sở hữu hợp pháp đối với 794 m², nên không có quyền chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên là trái với quy định của pháp luật. QĐ 464/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, chỉ đạo UBND huyện L thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho bà, để cấp cho ông Đ 160 m² đất đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà.

- Quá trình giải quyết khiếu nại bà không được triệu tập, trình bày, đối thoại. Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình chưa đúng với quy định tại Điều 29, Điều 38 Luật khiếu nại năm 2011.

Kèm theo đơn khởi kiện là các tài liệu: Bản sao Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình giải quyết khiếu nại của ông Quách Văn Đ, Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 21/04/2016 của Chủ tịch UBND huyện L thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà được cấp năm 2009 và một số tài liệu khác.

Người bị kiện UBND huyện L trình bày:

Ngày 27/4/2009 UBND huyện L cấp GCNQSDĐ, diện tích 572 m² ở thửa 63, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: khu 1, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình cho bà Phan Thị Thanh L, là 01 phần đất trong tổng diện tích 1.575 m² do cụ Nguyễn Thị V khai phá sử dụng từ năm 1948 và được UBND huyện L cấp cho cụ Nguyễn Thị V ngày 01/4/2009.

Trước đó, năm 2001 cụ V tách thửa đất nêu trên làm 03 phần: Cụ V, ông C và ông T (con trai cụ V), trong đó ông C thửa 57, tờ bản đồ số 01, diện tích 794 m²;

Ngày 08/4/2002, ông C chuyển nhượng 160 m² đất và hoa màu cho ông Đ. UBND thị trấn C lập tờ trình thẩm tra hồ sơ đăng ký biến động đất, kèm trích lục bản đồ địa chính diện tích 160 m², thửa 57, tờ bản đồ số 01. Ông C, ông Đ kê khai nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ. UBND thị trấn C đã có tờ trình gửi phòng địa chính (cũ) nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cấp GCNQSDĐ cho ông Đ. Việc cụ V tách thửa đất cho ông C sử dụng 794 m² nhưng ông C chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ, đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ, điều đó là không phù hợp với Nghị định 79/NĐ-CP ngày 01/11/2001 của Chính phủ (sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP, ngày 29/03/1999 của Chính phủ). Do

đó, diện tích 160 m² đất ông Đ nhận chuyển nhượng của ông C không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 13/4/2015 UBND huyện huyện L ban hành quyết định số 531/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Đ lần đầu (viết tắt là quyết định 531), không thừa nhận việc khiếu nại của ông Quách Văn Đ đồng thời hướng dẫn ông Đ khởi kiện ra Tòa án. Ông Đ tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình và đã được giải quyết bằng Quyết định 464, giải quyết khiếu nại lần 2.

Thực hiện quyết định 464 Chủ tịch UBND tỉnh, ngày 21/04/2016 Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Quyết định thu hồi GCNQSDĐ cấp cho bà Phan Thị Thanh L ngày 27/9/2009. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 19/9/2017 UBND huyện L ban hành quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 19/8/2017 về việc đình chính Quyết định 364, người ký quyết định là UBND huyện (thẩm thẩm quyền thu hồi GCNQSDĐ là UBND).

Người bị kiện, đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình trình bày (văn bản số 559/UBND-TCD, ngày 12/5/2017)

Trên cơ sở báo cáo số 09 ngày 21/01/2016 của đoàn kiểm tra, xác minh giải quyết đơn khiếu nại của ông Quách Văn Đ, cho thấy: Diện tích 160 m² đất ông C chuyển nhượng cho ông Đ có nguồn gốc là của cụ V (mẹ ông C) đã làm thủ tục tặng cho ông C. Ngày 8/4/2002 ông C chuyển nhượng cho ông Đ 160 m² đất và hoa màu trên đất. Ông Đ đã làm xong thủ tục nộp thuế chuyển quyền và lệ phí trước bạ. Việc chuyển nhượng đất giữa ông C và ông Đ thực hiện đúng với điểm đ, khoản 2, điều 3; khoản 1, điều 11, Nghị định 17/2009 của chính phủ.

Ngày 27/4/2009 UBND huyện L đã cấp GCNQSDĐ cho bà L, trùng lên diện tích đất 160 m² của ông Đ nhận chuyển nhượng của ông C từ năm 2002. Việc UBND huyện L cấp GCNQSDĐ cho bà L trong khi đất đang có tranh chấp (ông Đ đang thực hiện việc khiếu nại, chưa có quyết định giải quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền) là trái với quy định khoản 1 điều 50 luật đất đai 2003.

Do đó, ông Đ khiếu nại đề nghị UBND huyện L cấp GCNQSDĐ là phù hợp với Luật đất đai 2003 và Nghị định 17/2009 của Chính phủ.

Ngày 03/03/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 464, thừa nhận nội dung khiếu nại của ông Đ về việc đề nghị UBND huyện L làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho ông Đ là có căn cứ. Yêu cầu UBND huyện L thu hồi GCNQSDĐ do UBND huyện L đã cấp cho bà Phan Thị Thanh L do cấp trùng lên diện tích 160m² ông Quách Văn Đ. Thực hiện cấp GCNQSDĐ cho ông Quách Văn Đ đối với diện tích 160m² đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp lại GCNQSDĐ cho bà Phan Thị Thanh L (sau khi trừ diện tích 160 m² cấp trùng lên diện tích ông Quách Văn Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình là giữ nguyên Quyết định 464/QĐ-UBND, ngày 03/03/2016. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn Đ trình bày:

Năm 2002 ông nhận chuyển nhượng của ông C diện tích 160 m² đất, ông đã trả đủ số tiền 18.000.000 đồng cho ông C, ông C đã nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất, ông Đ đã nộp thuế trước bạ, cán bộ địa chính thị trấn đã đo đạc, trích lục bản đồ thửa đất và chuyển hồ sơ đến phòng địa chính (cũ) nay là phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L để cấp GCNQSDĐ cho ông, chờ lâu không thấy được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 160 m² đất nhận chuyển nhượng của ông C, ông đã khiếu nại. Thời điểm thực hiện việc khiếu nại (năm 2011) ông mới biết năm 2009 UBND huyện L đã cấp GCNQSDĐ cho bà Phan Thị Thanh L, trong đó có diện tích 160 m² đất của ông nhận chuyển nhượng của ông C từ năm 2002. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L đã xác minh nội dung khiếu nại, trả lời ông Đ (văn bản 292/UBND-TN&MT ngày 17/7/2014), việc ông C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ là chưa đúng với quy định Điều 30 luật đất đai 1993. Không đồng ý, ông Đ khiếu nại đến UBND huyện L. Ngày 13/4/2015, Chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 531/QĐ-UBND, thống nhất với nội dung văn bản số 292/UBND-TN&MT. Ông Đ khiếu nại đến UBND tỉnh Hòa Bình.

Ngày 03/03/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết Định giải quyết khiếu nại số 464, thừa nhận khiếu nại của ông Đ. Đồng thời chỉ đạo UBND huyện L thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho bà Phan Thị Thanh L năm 2009, để cấp GCNQSDĐ cho ông Đ diện tích 160 m² đất/572 m² đất đã cấp cho bà L.

Quan điểm của ông Đ là đồng ý với Quyết Định giải quyết khiếu nại số 464. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn C trình bày:

Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị V (mẹ ông) sử dụng từ trước năm 1950, ông là con trai trưởng ở với mẹ ông, năm 2001 cụ V cho ông sử dụng 794 m² đất (chỉ nói miệng không có giấy tờ) ở thửa 57, tờ bản đồ số 01, địa chỉ khu 1, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình; đây là một phần đất trong tổng diện tích 1.575 m² đất do cụ Nguyễn Thị V khai hoang từ năm 1948, được cấp GCNQSDĐ ngày 01/04/2009 mang tên cụ Nguyễn Thị V, cán bộ địa chính thị trấn đã đo đạc, ông chưa được cấp GCNQSDĐ, khi làm thủ tục ông ký tên cụ V, chuyển nhượng 145 m² cho ông Đ. Sau đó, cụ V phát hiện yêu cầu ông trả lại tiền cho ông Đ nhưng ông không trả. Giấy tờ chuyển nhượng ghi 145 m², nhưng khi cán bộ địa chính thị trấn đo thực tế là 160 m².

Ngày 27/4/2009 UBND huyện L đã cấp GCNQSDĐ cho bà L (chị gái ông) diện tích 572 m², thửa 63, tờ bản đồ 01; trong đó có 160 m² ông đã chuyển nhượng cho ông Đ từ năm 2002. Quan điểm của ông là thanh toán bằng giá trị (bằng tiền) cho ông Đ là 130.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị T, bà Phan Thị H, ông Phan T, bà Phan Thị V, ông Phan Hùng C (chị, em ruột của bà Phan Thị Thanh L), trình bày:

Các đương sự trình bày thống nhất với lời khai của người khởi kiện (bà L) về nguồn gốc diện tích đất do bố, mẹ của các ông, bà (cụ Phan Văn T, cụ Nguyễn Thị V) khai hoang từ năm 1948, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ Phan Văn T chết năm 1968.

Thời điểm năm 2001 cụ V tách thửa đất làm 03 phần (cụ V, ông C, ông T), ông C chuyển nhượng 145 m² đất cho ông Đ năm 2002 thì chị, em các bà không biết. Sau đó, cụ V phát hiện ông C chuyển nhượng đất cho ông Đ, đã yêu cầu ông C trả lại tiền cho ông Đ nhưng ông C không trả, do có tranh chấp nên ông Đ chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 145 m² đất mua của ông C. Ông Đ khiếu nại, UBND huyện L không chấp nhận khiếu nại của ông yêu cầu được cấp GCNQSDĐ là đúng. Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình giải quyết khiếu nại, chấp nhận khiếu nại của ông Đ, bãi bỏ quyết định 531 của UBND huyện L, chỉ đạo UBND huyện L thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho bà L, để cấp GCNQSDĐ cho ông Đ diện tích 145 m² là không đúng.

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L, hủy Quyết định 464 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại ngày 20/9/2017 người bị kiện UBND huyện L cung cấp bản chính Quyết định 364 (thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi GCNQSDĐ cấp cho bà Phan Thị Thanh L ngày 27/4/2009 là UBND huyện- Quyết định số 1216 ngày 19/9/2017).

Tại phiên tòa các đương sự trình bày:

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện UBND huyện L: Việc Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định 531 giải quyết khiếu nại của ông Đ, không chấp nhận khiếu nại của ông Đ. Ông Đ không đồng ý nên khiếu nại đến UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chấp nhận khiếu nại của ông Đ. UBND huyện chấp hành sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, đã ra Quyết định thu hồi GCNQSDĐ của bà L, thực tế bà L chưa giao nộp GCNQSDĐ cho UBND huyện L. UBND huyện L thống nhất

với quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, giữ nguyên ý kiến như quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh theo văn bản 559/UBND-TCD, ngày 12/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh; đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quách Văn Đ đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía người khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L, hủy Quyết định 464 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, nghe lời trình bày của các bên đương sự, tham gia xét hỏi, tóm tắt nội dung vụ kiện, đánh giá chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử Hủy quyết định 464 ngày 03/03/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, những người có quyền nghĩa vụ liên quan (bà Phan Thị T, bà Phan Thị H, ông Phan T, bà Phan Thị V) có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án xử vắng mặt.

Đối tượng khởi kiện:

- Quyết định hành chính số 464/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Quách Văn Đ; Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện L (được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định 1216/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 UBND huyện L) về việc thu hồi GCNQSDĐ cấp cho bà Phan Thị Thanh L; hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Đánh giá tính hợp pháp Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, giải quyết khiếu nại đối với ông Quách Văn Đ.*

Về thẩm quyền ban hành:

Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với ông Quách Văn Đ là đúng thẩm quyền, quy định tại Điều 138 Luật đất đai 2003, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 36, 40 Luật khiếu nại năm 2011

Về trình tự, thủ tục:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Quách Văn Đ, UBND tỉnh Hòa Bình đã giao cơ quan Thanh tra tỉnh Hòa Bình xác minh, giải quyết khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo số 09 ngày 21/01/2016 của đoàn kiểm tra, xác minh giải quyết đơn khiếu nại, ngày 03/3/2016 Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 464, giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Quách Văn Đ. Như vậy, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Quách Văn Đ được thực hiện theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 Luật đất đai năm 2003; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

Về nội dung:

Về nguồn gốc đất: Diện tích 1.595m² đất có địa chỉ khu 1 thị trấn C, huyện L có nguồn gốc do vợ chồng cụ Nguyễn Thị V, cụ Phan Văn T là cha, mẹ bà L khai phá, sử dụng từ năm 1948.

Quá trình sử dụng đất:

Năm 2001 cụ Nguyễn Thị V và hai con trai là ông Phan Hùng C, ông Phan T sử dụng diện tích đất trên, ông C sử dụng 794 m² và ông T sử dụng 481 m² đất để làm nhà ở và trồng màu. Năm 2002 cụ V chia tách đất làm 03 thửa: Cụ Nguyễn Thị V thửa số 63, tờ bản đồ số 1, diện tích 334 m²; ông Phan T thửa số 64, tờ bản đồ số 01, diện tích 481m²; ông Phan Văn C thửa 57, tờ bản đồ số 1, diện tích 794 m². Hồ sơ chia tách thửa đất của cụ V được UBND thị trấn C xác nhận.

Sau khi có hồ sơ chia tách 03 thửa đất. Ngày 08/04/2002 ông C chuyển nhượng 160m² đất và hoa màu/794m² cho ông Quách Văn Đ, cán bộ địa chính thị trấn C đã trích đo địa chính, ông Đ đã nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất, nộp thuế trước bạ.

Ngày 29/04/2002, cụ V được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 334m², thửa 63. Ngày 30/5/2003 UBND huyện L cấp giấy CNQSDĐ cho ông Phan Văn T diện tích 481m², thửa 57 và năm 2005 UBND huyện L thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T.

Ngày 01/04/2009, UBND huyện L cấp giấy CNQSDĐ cho cụ V toàn bộ diện tích 1.575m² đất khai hoang từ năm 1948 (bao gồm 334m² đất cụ V được cấp bì đỏ năm 2002; 481m² đất được UBND huyện cấp cho ông T năm 2003 và năm 2005 đã bị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm, 794m² cho ông C sử dụng, trong đó đã chuyển nhượng 160 m² cho ông Đ năm 2002). Ngày 20/4/2009 cụ V làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đối với 05/06 người con của cụ. Ngày 27/4/2009 UBND huyện L đã cấp GCNQSDĐ cho 05 người con của cụ V cùng tờ bản đồ số 01; địa chỉ Khu 1, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình; trong đó có bà Phan Thị Thanh L 572m², thửa 63, tờ bản đồ 01;

Năm 2011, ông Đ có đơn khiếu nại cho rằng chưa được cấp GCNQSDĐ diện tích 160 m², UBND huyện L giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đ, bằng quyết định số 531 ngày 13/4/2015, không thừa nhận việc khiếu nại của ông Quách Văn Đ.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự bà L và 06 chị em bà L đều khai thống nhất, diện tích 1.595m² đất, địa chỉ khu 1 thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình có nguồn gốc của cụ Phan Văn T, Nguyễn Thị V (cha, mẹ bà Phan Thị Thanh L) khai hoang, sử dụng từ năm 1948, chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Thời điểm năm 2001, cụ V tách thửa đất làm 03 phần (cụ V, ông C, ông T) lúc đó cụ V cũng chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Ông C chưa có giấy tờ chứng minh có quyền sử dụng đất, đã chuyển nhượng 160m² cho ông Đ là trái pháp luật. Và, việc ông C chuyển nhượng cho ông Đ diện tích đất trên chị em các bà không biết.

Ngày 01/04/2009 cụ V được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 1.595m². Sau đó, ngày 27/9/2009 cụ V tặng quyền sử dụng đất cho 5/6 người con, trong đó có bà có bà Phan Thị Thanh L diện tích 572m², thửa 63, tờ bản đồ 01, địa chỉ thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Diện tích 572m² của bà L được cấp GCNQSDĐ có diện tích 160m² ông C chuyển nhượng cho ông Đ từ năm 2002.

Như vậy, thửa đất số 63, tờ bản đồ 01, diện tích 572m² bà Phan Thị Thanh L được cụ V tặng cho bà L, là một phần trong tổng diện tích 1.595m² mà cụ V được cấp GCNQSDĐ năm 2009. Phần diện tích 160m² ông Đ nhận chuyển nhượng từ ông C năm 2002 chưa được cấp GCNQSDĐ, thuộc thửa đất số 63 của bà L được cấp GCNQSDĐ năm 2009. Tại phiên tòa sơ thẩm bà L khẳng định toàn bộ thửa đất này là của bà được mẹ bà tặng cho hợp pháp. Còn ông Đ cho rằng ông đã mua của ông C 160m², đã thanh toán đầy đủ tiền cho ông C từ năm 2002, ông đã nộp thuế chuyển quyền, thuế trước bạ; ông C đã dùng số tiền này chi dùng cho cụ V và gia đình, do đó diện tích 160m² đất này là của ông. Việc UBND huyện thu hồi GCNQSDĐ của bà L để cấp GCNQSDĐ cho ông Đ diện tích 160m² trong trường hợp này khi thửa đất của bà L đã có GCNQSDĐ là chưa **đúng với quy định của khoản 1 Điều 36 Luật đất đai 2003 và khoản 1 Điều 203 luật đất đai năm 2013.**

Do đó, Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Quyết định 531 giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Đ trên cơ sở tài liệu xác minh của Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện L, theo đó không chấp nhận khiếu nại của ông Đ, hướng dẫn ông Đ khởi kiện ra Tòa là đúng. Việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định 531 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự, nội dung phù hợp quy định của pháp luật đất đai.

[2.2] Đánh giá tính hợp pháp Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình:

Thực hiện Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình; ngày 21/4/2016, UBND huyện L, tỉnh Hòa Bình đã ra Quyết định số 364/QĐ-UBND với nội dung: Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phan Thị Thanh L, do cấp trùng lên diện tích 160 m² của ông Đ đã nhận chuyển nhượng năm 2002.

Việc UBND huyện L ban hành quyết định 364 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự theo Luật khiếu nại năm 2011.

Về nội dung: Khi thụ lý giải quyết đơn khiếu nại lần 2 đối với ông Quách Văn Đ, cơ quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh chưa triệu tập bà L yêu cầu trình bày và thực hiện trình tự giải quyết khiếu nại theo Luật khiếu nại năm 2011, là chưa đúng Luật khiếu nại năm 2011.

[2.3] Văn bản 1027/UBND-CT, ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình, có nội dung khiếu nại của bà không thuộc trường hợp Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 nên không được xem xét, thụ lý, giải quyết theo quy định. Thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 1 Quyết định 464 có ghi: “ Yêu cầu UBND huyện L: Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện L đã cấp cho bà Phan Thị Thanh L do cấp trùng lên diện tích 160m² ông Quách Văn Đ đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thực hiện cấp giấy CNQSDĐ cho ông Quách Văn Đ đối với diện tích 160 m² đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị Thanh L (sau khi trừ diện tích 160 m² cấp trùng lên diện tích ông Quách Văn Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) theo đúng quy định của pháp luật. Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 quy định:

“Khiếu nại thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thụ lý giải quyết:

1. Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong nội bộ cơ quan nhà nước để chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, công vụ; quyết định hành chính, hành vi hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới; quyết định hành chính có chứa đựng các quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; quyết

định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định;

2. Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại;

3. Người khiếu nại không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ mà không có người đại diện hợp pháp;

4. Người đại diện không hợp pháp thực hiện khiếu nại;

5. Đơn khiếu nại không có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khiếu nại;

6. Thời hiệu, thời hạn khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng;

7. Khiếu nại đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

8. Có văn bản thông báo đình chỉ việc giải quyết khiếu nại mà sau 30 ngày người khiếu nại không tiếp tục khiếu nại;

9. Việc khiếu nại đã được Tòa án thụ lý hoặc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án, trừ quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính của Tòa án”.

Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Quách Văn Đ, đã phát sinh khiếu nại đối với bà Phan Thị Thanh L. Đối chiếu với khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 thì khoản 2 Điều 1 Quyết định 464 có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại (bà L). Do đó, bà L đã thực hiện việc khiếu nại đúng quy định của Luật khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, khiếu nại của bà L chưa được Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình thụ lý, giải quyết là chưa đúng với quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Từ những căn cứ và nhận định trên, việc bà Phan Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 464/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình đề nghị hủy Quyết định 464 /QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Hòa Bình là phù hợp.

Về án phí: Người khởi kiện không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Được hoàn lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 05113 ngày 07/10/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 3; Điều 30; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 36 Luật đất đai 2003; Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh L.

Hủy quyết định 464/QĐ-UBND ngày 03/03/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình.

2. Người bị kiện phải nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Người khởi kiện được hoàn lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 05113 ngày 07/10/2016.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- THA DS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Dụ

